

## NGHI LỄ CƯỚI XIN CỦA NGƯỜI TÀY Ở THÔN PÒ CẠI, XÃ GIA CÁT, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

LÊ THỊ HỒNG

### 1. Mở đầu

Cưới xin là một trong những nghi lễ chu kỳ đời người, phản ánh rõ nét đặc điểm văn hóa tộc người. Đã có học giả cho rằng, phong tục nghi thức cưới xin là biểu hiện văn hóa, văn minh của một dân tộc, thể hiện rõ trình độ, đời sống văn hóa, tinh thần và văn hóa vật chất của dân tộc. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong xu thế chung hiện nay, trong khi văn hóa vật chất đang bị mai một với tốc độ nhanh thì các nghi lễ ma chay, cưới xin truyền thống ở các tộc người vẫn được bảo lưu như một phần quan trọng của bản sắc văn hóa tộc người.

Từ trước đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về người Tày và văn hóa Tày, trong đó nghi lễ cưới xin luôn được các tác giả dành một sự quan tâm đặc biệt (Đỗ Thúy Bình, 1994; Hoàng Bé, 2003; Hoàng Hữu Bình - Trần Thị Hạnh, 2005; Triệu Ân - Hoàng Quyết, 2010; Bé Văn Hậu - Mai Văn Huyền, 2012). Các nghiên cứu này tập trung miêu tả nghi lễ cưới xin truyền thống của người Tày, ít đề cập đến những thay đổi của các tập tục đó trong bối cảnh hiện nay. Trong khi đó, một số nghiên cứu hiếm hoi về văn hóa Tày

đương đại đã chỉ ra rằng, cùng với sự tiếp nhận, du nhập những yếu tố mới từ các tộc người khác, nhiều tục lệ, nghi lễ truyền thống trong cưới xin của người Tày không còn được duy trì hoặc được thực hiện một cách đơn giản hơn rất nhiều [Nguyễn Thị Huyền, 2001; Trần Hồng Hạnh (Chủ nhiệm), 2008].

Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về quá trình biến đổi nghi lễ cưới xin của người Tày ở thôn Pò Cại, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, xem xét xu hướng bảo lưu và biến đổi, những nhân tố tác động đến quá trình biến đổi đó.

### 2. Nghi lễ cưới xin

Nghi lễ cưới xin dù ở thời đại nào cũng đóng dấu mốc quan trọng trong đời sống của mỗi người. Ngày cưới không chỉ là ngày hạnh phúc của đôi trai gái mà còn là niềm vui, niềm hãnh diện của gia đình, dòng họ và cũng là dịp để mọi người trong và ngoài cộng đồng có cơ hội được gặp nhau. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, yếu tố ngoại lai du nhập vào làng bản từ miền ngược đến miền xuôi, đã góp phần làm thay đổi cơ bản nghi lễ cưới xin của các dân tộc, trong đó có người

Tày ở thôn Pò Cại. Sự thay đổi này thể hiện rõ rệt nhất ở các bước diễn ra trong đám cưới.

### 2.1. Lễ tìm hiểu

Trong xã hội hiện đại, trai gái Tày đến với nhau hoàn toàn tự do, không qua mai mối, không có sự xếp đặt của cha mẹ. Hiện nay trong thôn Pò Cại, thanh niên Tày đi học xa nhà hoặc đi làm công nhân trong các khu công nghiệp ở Hà Nội, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hưng Yên... Đó là cơ hội để họ mở rộng các mối quan hệ giao lưu tình cảm, tiến tới hôn nhân với những thanh niên cùng lứa tại nơi học tập, công tác. Những thanh niên không có điều kiện được học hành cũng cố gắng ra thành phố Lạng Sơn để tìm kiếm các công việc khác nhau, để vừa có thêm thu nhập và cũng là cơ hội lựa chọn bạn đời. Tuy nhiên, các đối tượng này thường không có nhiều lựa chọn bằng những thanh niên có trình độ học vấn cao và làm việc ở những thành phố lớn. Qua phỏng vấn một số người Tày thôn Pò Cại cho biết, những công việc đồng áng vất vả đem lại thu nhập không cao bằng bốc vác hay làm công nhân ở các thành phố lớn. Đây là một trong những lý do dẫn đến tình trạng thanh niên Tày Pò Cại kết hôn với người bên ngoài ngày một đông. Theo số liệu thống kê của UBND xã Gia Cát từ năm 2002 đến 2013, toàn xã có 8/31 cặp là người Tày lấy chồng, lấy vợ người Nùng, Kinh và Thái.

Bên cạnh những đôi thanh niên nam, nữ Tày nhanh nhẹn, tháo vát, vẫn còn những thanh niên bị khiếm khuyết hay có chút e ngại về tâm lý, là rào cản khiến họ không tự tin trong việc tìm bạn đời. Những trường hợp này thường được mai mối trong hôn nhân.

Hiện nay, khi đôi trai gái Tày đồng ý lấy nhau, họ thông báo cho cha mẹ hai bên

để mời nhau sang thăm nhà; khác với trước đây, để đến được lễ tìm hiểu, đôi trai gái phải trải qua quá trình so lá số của thầy cúng. Đến nay, tục lệ này chỉ mang tính chất hình thức, bởi lá số của họ có hợp hay không, cha mẹ hai bên cũng không làm thay đổi được quyết định đến với nhau của đôi bạn trẻ.

### 2.2. Lễ ăn hỏi (lễ cắt cổ gà)

Lễ ăn hỏi hiện nay của người Tày đã bỏ qua các thủ tục rườm rà, gây lãng phí về tiền của và thời gian. Trong trường hợp hai gia đình ở quá xa nhau, lễ dạm hỏi được gộp chung với lễ ăn hỏi và lễ báo lá số cũng chỉ gọi điện thông báo cho nhà gái biết, đồng thời họ cũng cho biết ngày nhà trai mang lễ đến ăn hỏi.

Theo phong tục, nhà trai cử người đại diện trong họ (ông trưởng họ hoặc ông bác, ông chú), nhanh nhẹn, ăn nói đĩnh đạc và một người cùng đi mang theo lễ vật (1kg thịt lợn, 1 chai rượu) để sang trao đổi công việc với nhà gái. Theo nguyên tắc, nhà trai phải báo số người cụ thể để nhà gái làm cỗ đón tiếp chu đáo.

Đối với trường hợp lấy chồng, lấy vợ ở xa, khác dân tộc, lễ vật sẽ được bàn bạc, thỏa thuận của đôi bên gia đình để phù hợp với địa phương đó. Nhưng nếu là người cùng dân tộc, dù xa, dù gần, nhà trai cứ theo phong tục người Tày ở Pò Cại mà sắm lễ.

Thời gian ăn hỏi cũng không quy định cụ thể thời điểm nào trong năm. Vì một lý do nào đó mà phải cưới chạy, gia đình có thể tổ chức bất cứ lúc nào để đôi bên cùng có lợi. Lễ ăn hỏi thường được tổ chức vào buổi sáng, có đông đủ ông bà, anh em, con cháu trong hai họ (bố và mẹ cô dâu) về dự. Người

Tày quan niệm, dù giàu hay nghèo cũng phải tổ chức cho con đám cưới được bằng bè bạn. Trong bữa cơm thân mật giữa hai họ, đại diện nhà trai bắt đầu giao từng món đồ lễ như quy định, đồng thời thông báo cho nhà gái ngày cưới và giờ cho con dâu về nhà chồng. Nghi lễ này không xảy ra đối với các cô gái lấy chồng nước ngoài không đăng ký kết hôn.

### 2.3. Lễ cưới

#### 2.3.1. Khâu chuẩn bị

Theo phong tục của người Tày ở Pò Cại, trước khi tổ chức đám cưới cho các con, đôi bên gia đình phải chuẩn bị thực phẩm, các đồ nấu nướng, thuê dựng rạp, âm thanh, chọn quần áo cho cô dâu, chú rể trong ngày cưới.

Trước ngày cưới một hôm, nhà trai phải mang sang nhà gái đầy đủ số lễ vật như đã thỏa thuận để họ làm cỗ, gồm: 1 mâm thủ lợn, 2 mâm xôi và gà, 1 mâm trâu cau, 1 mâm chè thuốc, 1 mâm lợn quay, 1 mâm bánh dày và 70 - 80kg thịt lợn mót hàm, 4 con gà trống còn sống và 8 - 18 triệu tiền mặt (tùy thời điểm).

Trước đây, đời sống vật chất còn khó khăn, người Tày ở Pò Cại thường chờ đến khi thu hoạch xong mùa màng mới có đủ lương thực, thực phẩm để làm lễ cưới. Thời gian thích hợp để tổ chức đám cưới từ tháng 8 đến tháng 2 âm lịch năm sau; vì vậy, từ lúc ăn hỏi đến lúc tổ chức cưới chính thức kéo dài vài tháng cho đến hàng năm. Đến nay, các loại hình dịch vụ phục vụ cho đám cưới đã nhanh chóng có mặt tại thôn Pò Cại, giảm bớt nỗi lo, sự vất vả cũng như thời gian cho gia đình trong việc chuẩn bị đám cưới. Như nhiều tộc người khác, người Tày ở đây không tổ chức cưới xin cho các con cháu

vào tháng ba, tháng bảy, vì họ quan niệm, cưới vào các tháng trên không mang lại may mắn, hạnh phúc cho cặp vợ chồng trẻ.

Về việc mời cưới, trước đây người Tày chủ yếu mời miệng, đối với cả người thân cận. Đến nay, mời cưới bằng thiệp để tỏ ý trang trọng và tôn trọng khách. Khách được mời trước khoảng 8 - 9 ngày trở lên, nếu cách ngày cưới 3 - 4 ngày gia chủ mới đến thì người khách đó coi như không được mời và họ sẽ không tham dự.

Về trang phục, cô dâu người Tày ở Pò Cại khi về nhà chồng không mặc bộ áo dài chàm như trước mà thay vào đó là chiếc váy trắng lộng lẫy được thuê ở ngoài thành phố Lạng Sơn. Cùng với sự rục rờ của cô dâu, chú rể cũng lịch sự trong bộ comple đắt tiền và chiếc cà vạt lịch lãm. Theo phong tục, các chi phí cho quần áo cô dâu đều do nhà trai lo liệu.

#### 2.3.2. Lễ cưới chính thức

Trước khi diễn ra lễ cưới chính thức khoảng 1 tuần, nếu là đám cưới trong cùng thôn, gia chủ của đôi bên gia đình đều mang lễ (1 con gà, nửa lít rượu, 1 túi hoa quả, bánh kẹo) cùng với tên, tuổi, địa chỉ của cô dâu, chú rể đến nhờ thầy cúng trong làng đến miếu Vàng Cại khấn thần hoàng làng phù hộ cho đôi trẻ được hạnh phúc, gia đình làm ăn thuận lợi, phát triển. Đây là một trong những nghi lễ không thể thiếu.

Trong hai ngày diễn ra đám cưới, ngày đầu dựng rạp, buổi sáng hôm sau là cưới chính thức bên nhà gái, buổi chiều là lễ cưới bên nhà trai. Do đó, bên nhà gái thường vất vả hơn trong khâu chuẩn bị cỗ. Theo tục, khi đoàn nhà trai đến đón dâu, nhà gái đã phải làm xong cỗ để còn tiến hành làm các nghi lễ quan trọng cho cô dâu và chú rể

trước tổ tiên và hai họ ăn xong, đưa dâu về cho kịp giờ đẹp.

Trong đám cưới hiện nay, một người đại diện trong họ nhà trai và nhà gái (người ăn nói đồng dục, tháo vát...) được đề cao. Ngược lại, bà (ông) đưa, bà (ông) đón lại không thể thiếu trong lễ cưới trước kia cũng như hiện nay; cũng không thể vắng mặt 2 phù dâu và 2 phù rể. Họ là những người giúp cô dâu, chú rể thực hành các nghi lễ trước tổ tiên được nhanh và trịnh trọng hơn.

Trước giờ đón dâu, bố chú rể phải mang lễ (gà, rượu, hương vàng...) đến nhà gái có lời thày cúng báo lên cho thổ công ở *thó ý*, với mong muốn gia đình đi đón được người con dâu tốt về nhà và mọi việc được thuận lợi. Theo quan niệm truyền thống, nếu không thực hiện nghi lễ này, thổ công của làng sẽ không phù hộ cho gia đình đó nên về sau hay lục đục. Trước khi đi đón dâu, nhà trai cũng có mâm cơm báo cáo với tổ tiên. Đây cũng là nghi lễ xin tổ tiên phù hộ cho đoàn đi đến nơi về đến chốn, mọi công việc suôn sẻ. Đoàn đi đón dâu gồm một người đại diện trong họ, ông (bà) đón, chú rể, 2 phù rể trong bộ comple sang trọng và một số anh em trong họ nhà trai. Sau khi thắp hương vào giờ đẹp, đoàn đón dâu lên đường. Trên đường đi đón dâu hay đi đưa dâu về luôn có tiền lẻ để rắc tiền xuống khi đi qua đình, miếu hay qua cầu, coi như tiền “mua đường” để được qua những nơi đó. Làm như vậy để mong vợ chồng mới cưới sẽ không gặp trở ngại, bất trắc trong cuộc sống sau này. Người Tày ở đây còn quan niệm, trên đường đến nhà gái đón dâu, nếu có hai đám cưới cùng vào làng, đám nào vào làng trước, sẽ gặp may hơn. Do đó, nếu như trong gia đình ai đó biết ngày hôm đó trong xóm nhà cô

dâu có hai đám cưới, họ đều tranh thủ đi sớm để vào ngõ trước, mong cho điều may mắn sẽ đến với mình.

Theo phong tục truyền thống, thời điểm nhà trai đến đón dâu là lúc vui vẻ và háo hức nhất trong bất kỳ một đám cưới nào, bởi đây là lúc có trò chăng dây thừng của đám trẻ con đòi quan lang cho lộc; cũng như ca hát đối đáp giữa quan lang của hai bên gia đình; hát xin vào cửa của nhà trai... Đến nay, khi nhà trai đến đón dâu, mọi người đều tập trung vào các nghi lễ trang trọng được tổ chức cho chú rể cô dâu trước ban thờ gia tiên. Đại diện nhà trai nhận lễ để bày lên trước ban thờ và thắp hương, thành kính dâng rượu (4 chén) lên để báo tổ tiên chứng giám, phù hộ cho con gái, con rể được nên vợ nên chồng, sống hạnh phúc, sinh được con trai, con gái và làm ăn gặp may mắn. Sau lễ gia tiên, đôi vợ chồng trẻ cùng dâng rượu để cảm ơn các ông, bà, bố mẹ hai bên (nhất là cảm ơn cha mẹ vợ). Đây là nghi lễ thiêng liêng không thể thiếu trong bất kỳ đám cưới nào trước đây. Hiện nay, nghi lễ này đã được lược bỏ khá nhiều, tuy nhiên không thể thiếu 4 chén rượu cặp vợ chồng trẻ dành cho nhau, sau nghi lễ tặng quà của bên nhà gái cho cô dâu trước khi về nhà chồng.

Đám cưới người Tày rất chú trọng giờ cô dâu ra cửa cũng như giờ cô bước chân vào nhà chồng, do đó, mọi nghi lễ thực hiện bên nhà gái phải được tiến hành hết sức nhanh chóng. Cũng theo phong tục của người Tày, trước giờ cô dâu về nhà chồng, thày cúng phải ra *thó ý* của làng có vài lời báo với thổ công để vị thần này luôn phù hộ cho cô có cuộc sống thuận lợi và hạnh phúc.

Tại nhà gái, đến giờ ra cửa, cô dâu được hai phù dâu, bà đưa, bà đón cùng đi ra ngoài. Theo phong tục, cô được nhà trai đưa cho miếng vải trong đó có 72 đồng, nay khoảng 10 - 20 ngàn đồng. Miếng vải như một hình thức để gói vía của cô mang về nhà chồng; còn tiền là để cô dâu “trả duyên” cho anh hoặc chị em gái của mình lúc đội nón cho cô. Nếu cô dâu không trả duyên cho anh, chị em của mình, sau này họ khó lấy vợ, lấy chồng. Trong lúc thực hành nghi lễ này, cô dâu không được phép ngoảnh mặt lại mà phải vòng tay ra đằng sau đưa tiền cho người được nhận. Nếu cô ngoảnh mặt lại, người đó sau này cũng khó kết hôn.

Cô dâu người Tày được trang điểm, búi tóc, cài khăn voan trắng, chiếc nón lá chỉ đội cho có hình thức khi qua cửa. Về đến nhà chồng, cô dâu không được vào nhà ngay mà phải trải qua lễ bước qua chậu nước lá đào được mẹ chồng đặt sẵn trước cửa nhà. Con dâu bước qua, mẹ chồng cầm cành đào vẩy lên người con dâu, với hàm ý xua đuổi ma tà trên người cô dâu để chúng không theo cô dâu vào trong nhà. Mẹ chồng còn lấy khăn rửa mặt cho con dâu để cô vào nhà mặt mũi được sạch sẽ, làm ăn phát đạt. Khi đã bước qua cửa, cô thực sự là người của bên chồng.

Vào trong nhà, cô dâu cùng chú rể cũng phải làm lễ trình báo trước tổ tiên nhà trai. Để thực hiện nghi lễ này, nhà trai bày hai mâm cơm cùng với lá số của cô dâu và quà của mẹ vợ tặng cho con rể, được ông (bà) đưa, bà đón đặt cạnh bàn thờ. Trường hợp nhà trai báo cáo với tổ tiên đón được con dâu về đến nhà, đi đến nơi về đến chốn, đã hoàn thành nhiệm vụ. Tiếp đó là lời phát

biểu giao dâu của họ nhà gái, nhờ nhà trai chỉ bảo cho cô dâu và sau đó là bố mẹ chồng có quà trao tặng con dâu mới.

Theo phong tục trước đây, người con gái Tày trước hoặc sau khi về nhà chồng thường được bố mẹ tặng đôi vòng tai hay vòng cổ bằng bạc. Hiện nay, họ trao cho con gái chiếc nhẫn vàng khoảng 0,5 - 2 chỉ, tùy điều kiện từng gia đình.

Sau nghi thức này, đại diện nhà trai mời hai họ dùng cơm thân mật, chia vui với gia đình, mừng hạnh phúc cho đôi bạn trẻ. Trong đám cưới truyền thống, sau khi thực hành nghi thức trước gia tiên nhà trai, cô dâu phải đợi đến giờ đẹp mới được bước chân vào buồng cưới và ngồi trên chiếu được thày cúng trải sẵn, hướng mắt vào ánh đèn dầu cho tới khi quan khách ra về mới được ra ngoài. Đồng bào quan niệm, cô dâu mới phải thực hiện nghi thức này để sau này cuộc sống vợ chồng thuận lợi, đi đúng hướng. Đến nay, nghi thức này gần như không còn. Trong đám cưới, cô dâu chú rể chỉ hành lễ trước ban thờ gia tiên, sau đó họ có thể cùng bố mẹ chồng ra sân chúc rượu khách đến dự. Trường hợp cô dâu Tày lấy chồng là người Trung Quốc không đăng ký kết hôn, thông thường gia đình cô chỉ làm một hai mâm cơm báo lên tổ tiên và mời một số người đại diện trong dòng họ đến dự.

Hiện nay, trong đám cưới của người Tày đã vắng bóng những lời ca, tiếng hát đối đáp của các cụ già; thay vào đó là các bài hát tân nhạc do thanh niên trong làng thể hiện, có đệm đàn organ. Tiệc cưới kéo dài đến chiều muộn, khách ở xa thường ra về trước, khách gần nhà nín lại muộn hơn. Tiệc tan, cô dâu Tày không theo đoàn đưa dâu về nhà bố mẹ đẻ như trước, mà ở lại dọn dẹp, thu xếp đồ

đặc, cùng chuẩn bị bữa tối với những người họ hàng, làng xóm thân thiết bên nhà chồng.

#### **2.4. Lễ lại mặt**

Trước đây, sau ngày cưới một hôm, cô dâu chú rể phải mang biếu bố mẹ vợ hoặc anh, em trai cô dâu 1 con gà luộc đặt trên mâm xôi trắng hay xôi đỗ và 1 đôi gà sống. Theo phong tục, mâm lễ sẽ được bố cô dâu đưa lên thắp hương tổ tiên nhà gái và khấn rằng: lễ này là của con rể mang về lại mặt, tổ tiên phù hộ cho đôi trẻ mạnh khỏe, làm ăn gặp may, hạnh phúc. Ăn cơm xong, bố hoặc anh, em trai cô gái đưa lại mâm xôi và đôi gà sống cho vợ chồng con gái mang về nhà chồng để bố chồng thắp hương lên ban thờ nhà trai, kính cáo với tổ tiên việc cưới xin đã hoàn tất, còn đôi gà sống cho vợ chồng con gái nuôi.

Hiện nay, tục lại mặt không còn được người Tày ở thôn Pò Cại thực hiện nữa. Sau khi đám cưới kết thúc, cô dâu chỉ cần gánh hai gánh nước về coi như là đã làm việc ở nhà chồng; sau đó, cô có thể về nhà bố mẹ đẻ với thời gian do cô định lượng.

#### **2.5. Nghi lễ sau đám cưới**

*Sêu tết* cho bố mẹ vợ 2 lần/năm là nghĩa vụ suốt đời của những người con rể. Trong năm đầu sau khi cưới, ngày Rằm tháng Bảy, con rể phải biếu bố mẹ vợ 1 con vịt, 10 - 20 chiếc bánh rộm, bánh gai; ngày Tết Nguyên đán là 1 con gà trống và 1 cặp bánh chưng, biếu mỗi gia đình chú bác 1 con gà và 1 cặp bánh chưng. Từ năm thứ hai trở đi, chàng rể chỉ phải *sêu tết* bố mẹ vợ ngày Rằm tháng Bảy và Tết Nguyên đán. Đây là nghi lễ bắt buộc, ăn sâu vào tiềm thức của người Tày từ trước đến nay.

Đối với trường hợp lấy rể đời, người con dâu phải thực hiện nghi thức này thay cho chồng của mình.

### **3. Mạng lưới xã hội trong cưới xin của người Tày**

#### **3.1. Khách mời**

Thành phần khách mời trong đám cưới của người Tày thôn Pò Cại hiện nay không chỉ có họ hàng, làng xóm, thông gia, liên thông gia mà có cả bạn bè, đồng nghiệp của cô dâu, chú rể từ các tỉnh xa cũng về dự. Do hiện nay con em người Tày cũng làm việc trong các cơ quan nhà nước, đi làm công nhân trong các công ty ở nhiều tỉnh ngày càng đông nên thành phần khách mời cũng khá đa dạng. Thông thường, tổ chức đám cưới cho người con đầu, khách đến dự đông hơn, vì quan niệm con đầu thì nên đến để chúc phúc cho gia chủ có con sớm trưởng thành, sắp được lên chức và sẽ sớm có cháu ấm bông. Một gia đình được hỏi cho biết, lễ cưới của người con đầu chuẩn bị 100 mâm cỗ, đến con thứ hai chỉ 80 mâm và người con thứ ba rút xuống còn 60 mâm. Cỗ nhiều hay ít còn tùy vào mối quan hệ của gia đình. Những gia đình thuần nông, chỉ sửa 40 mâm. Theo phong tục của người Tày ở Lạng Sơn, một mâm cỗ đều dành cho 8 người với các món đặc sản như: khâu nhục, thịt lợn quay, thịt gà hoặc thịt vịt. Đến nay, khi thanh niên trong làng ra ngoài, học hỏi thêm được nhiều món mới, trên mâm cỗ cưới của người Tày có thêm tôm chiên, giò (chà), nộm như cỗ cưới của người Kinh (Việt).

#### **3.2. Quà mừng đám cưới**

Theo quan niệm người Tày hiện nay, đám cưới càng có nhiều người đến dự thì gia

đình càng hãnh diện với dân làng, chứng tỏ gia đình đó có mối quan hệ xã hội rộng, đồng thời quà mừng cũng được nhiều hơn.

Theo phong tục người Tày, mọi chi phí cho cô dâu đều do nhà trai lo liệu. Chính vì thế, trước đây nhiều gia đình nghèo, có đông con trai có khi phải xin hoãn cưới một vài năm để chuẩn bị. Tuy nhiên, nhà gái không muốn để con gái phải chờ đợi quá lâu, nên nhà trai vẫn phải tổ chức đám cưới theo yêu cầu của nhà gái.

Những năm gần đây, người Tày ở thôn Pò Cại cho rằng, mỗi gia đình không có nhiều con như trước, nên con gái cũng được chăm lo như con trai, khi con gái đi lấy chồng bố mẹ cũng cố gắng cho chút của hồi môn. Quan niệm này thay đổi một phần cũng bởi kinh tế hộ gia đình người Tày ngày một khấm khá lên; họ có của ăn của để và tình thương dành cho các con là như nhau. Ngoài quà dành cho con gái, bố mẹ vợ người Tày còn có tục cho quà con rể. Theo phong tục, quà được gói cẩn thận và trao cho ông đưa, bà đón chú người con rể không được phép nhận trực tiếp từ tay mẹ vợ.

Cùng với những trang sức mà bố mẹ để trao cho con gái, quà mừng của thành viên trong họ cũng giúp cho cặp vợ chồng trẻ ban đầu có chút vốn làm ăn trong cuộc sống mới. Ngoài ra, những vị khách được mời đến tham dự đám cưới cũng mừng cưới bằng tiền (đã xuất hiện từ những năm 2000 đến nay), thay thế cho mừng bằng hiện vật, thóc gạo. Số tiền mừng cũng tùy vào giá trị đồng tiền ở từng thời điểm, vào các quan hệ với cô dâu chú rể và bố mẹ hai bên.

### **3.3. Tính cố kết trong và ngoài cộng đồng**

Theo phong tục của người Tày ở Pò Cại, một gia đình trong thôn khi tổ chức

đám cưới hay bất kỳ việc gì đều có sự góp sức của cả cộng đồng. Trước đây, lo cưới là một nỗi lo lớn trong một thời gian dài của gia đình, vì phải chuẩn bị gà, vịt, lợn, gạo, rượu, củi, mượn bát đĩa..., thông thường phải vay mượn. Đến nay, đời sống kinh tế khá hơn, nên khi tổ chức đám cưới, hầu như không còn hiện tượng phải vay, mượn lương thực, song nhiều gia đình vẫn phải vay tiền. Tuy nhiên, tục nhờ nhau nấu rượu hay cùng nhau góp sức (dọn dẹp, nấu cỗ...) vẫn được duy trì. Ngoài sự giúp đỡ của cộng đồng, sự hiện diện những vị khách mời cũng quan trọng không kém trong bất kỳ một đám cưới nào ở đây.

## **4. Những yếu tố tác động đến sự thay đổi trong nghi lễ cưới xin của người Tày ở thôn Pò Cại**

### **4.1. Tác động của kinh tế thị trường**

Từ năm 1986 trở đi, các dịch vụ bắt đầu xuất hiện ở Pò Cại, trong đó có dịch vụ cưới. Do đó, các gia đình không còn vất vả trong việc chuẩn bị, thậm chí cũng không phải dọn dẹp mà sau khi cưới xong, người làm dịch vụ sẽ đến thu dọn. Trường hợp thôn có nhiều đám cưới cùng tổ chức một ngày, các gia đình có thể sang thôn bên hoặc xã bên để thuê. Như vậy, gia đình cũng chỉ mất vài tiếng đồng hồ đã lo xong những vật dụng thiết yếu cho việc dựng rạp cũng như nấu cỗ trong ngày cưới.

Trước đây, giao thông không thuận tiện nên việc đi ăn hỏi, đưa đón dâu đều phải đi bộ. Do đó, gia đình có con lấy chồng, lấy vợ ở xa, nhà trai phải đi từ sáng sớm mới kịp giờ đón dâu, có trường hợp đi đón dâu phải mất 2 ngày đi đường. Đến nay, nếu đám cưới là người trong xã hay ở các xã lân cận, người Tày thường dùng xe máy. Với những

gia đình có điều kiện kinh tế cũng thuê ô tô cho cô dâu chú rể và những người trong đoàn đưa đón dâu đi chơi một vòng ngoài thành phố để chụp ảnh rồi mới quay về. Còn nếu ở xa, họ đều thuê ô tô.

Kể từ khi dịch vụ cưới xuất hiện, những vật dụng (phông chữ, đèn lồng...) vừa đẹp lại thuận tiện, làm tăng vẻ đẹp bên ngoài trong ngày trọng đại của đôi bạn trẻ đã thay thế hoàn toàn cách trang trí cổ truyền mà người Tày vẫn làm trước đây (dán giấy đỏ trên ban thờ gia tiên, ở trước cửa nhà).

Đề tặng tính hiện đại trong đám cưới hiện nay, cô dâu Tày, khi tiếp khách, sẽ mặc áo dài truyền thống, nhưng khi về nhà chồng thường diện chiếc váy trắng lộng lẫy. Chú rể khoác bộ comple, thắt cà vạt lịch lãm, hiện đại. Cùng với trang phục hiện đại của cô dâu, chú rể những người đại diện cho hai họ đi đón dâu, đưa dâu như ông, bà đưa; ông, bà đón cũng không còn vận bộ quần áo dài màu đen truyền thống nữa.

#### 4.2. *Giao lưu, tiếp biến văn hóa*

Từ công cuộc Đổi mới 1986 đến nay, giao lưu tiếp biến văn hóa giữa người Tày thôn Pò Cại với các tộc người trong và ngoài vùng, nhất là với người Kinh diễn ra mạnh mẽ, đã tác động sâu sắc đến sự biến đổi trong nghi lễ cưới xin.

Trước hết, về hình thức tổ chức, hiện nay, đám cưới có xu hướng được đơn giản hóa. Điều này được thể hiện ở việc “giảm lược” vai trò của quan lang - người thay cho gia chủ phát ngôn, dẫn dắt mọi vấn đề và đối đáp với các cụ, thực hành các nghi lễ quan trọng giữa đôi bên để đưa cô dâu về nhà chồng. Trong đám cưới hiện nay, chỉ cần

một ông bác hoặc ông chú trong họ ăn nói lưu loát có thể thay mặt gia chủ điều hành mọi công việc trong ngày diễn ra đám cưới.

Yếu tố môn đăng hộ đối không còn được người Tày nơi đây coi trọng như trước. Thay vào đó là quyền tự do hôn nhân trên mọi khía cạnh của đôi trai gái, miễn sao đến được với nhau; cha mẹ chỉ là người đứng ra lo liệu cho đám cưới của các con cho được trọn vẹn. Chính vì lẽ đó, bước báo lá số đã tồn tại bao đời trong đám cưới cổ truyền của người Tày nay đã được đơn giản hóa bằng cách thông báo bằng điện thoại.

Một hình thức đơn giản hóa khác là trong ngày ăn hỏi không còn thách cưới. Mặc dù từ lâu tục lệ này đã ăn sâu vào tiềm thức của người Tày nơi đây. Trong trường hợp lấy người ở ngoài xã hay ở các tỉnh khác, tục lệ này có thể có, có thể không tồn tại mà nó tùy thuộc vào tập quán địa phương và điều kiện của từng gia đình; nhà gái chỉ yêu cầu gia đình nhà trai sắm một chút lễ chính mang tính chất tượng trưng, các lễ còn lại đều quy ra tiền (*sính tài*). Có trường hợp hai gia đình ở quá xa, họ thống nhất ngày ăn hỏi và ngày cưới để cùng tổ chức cho đỡ tốn kém.

Trong việc thực hành nghi lễ để lạy tạ những người đã sinh ra bố mẹ cô dâu chú rể và cả những người giúp công sức<sup>1</sup> để đám cưới được thành công, họ phải vái 4 lần và dâng 4 chén rượu cho những người này để chứng tỏ lòng thành kính. Đến nay, cô dâu chú rể chỉ thực hành nghi lễ này trước bàn thờ gia tiên và ông bà của hai bên gia đình.

<sup>1</sup> Tổ tiên, các ông bà hai bên, các ông quan lang, bà đưa bà đón, những người nấu bếp.

Trong mâm cỗ cưới của người Tày ở thôn Pò Cại hiện nay xuất hiện một số món mới như nộm, giò, chả, tôm chiên - những món ăn của người Việt được thanh niên và một số người đi ăn cưới của người Việt làm theo.

Bên cạnh sự giản đơn hóa trong các bước tổ chức là sự hòa nhập cộng đồng của các cô dâu, chú rể người Nùng, Kinh, Thái... Theo kết quả khảo sát năm 2014 trên địa bàn xã Gia Cát, trong số 8/31 cặp vợ chồng có kết hôn hỗn hợp dân tộc, có 5 cặp người Tày lấy người Nùng; 2 cặp người Tày lấy người Kinh; 1 cặp người Tày lấy người Thái. Yếu tố kết hôn liên tộc này góp phần làm gia tăng khả năng tiếp xúc, giao lưu văn hóa giữa người Tày với các dân tộc khác.

### 4.3. Yếu tố chính sách và pháp luật

Một yếu tố khác tác động đến việc hôn nhân và cưới xin của người Tày hiện nay là Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ năm 2002 đến năm 2014, trong xã Gia Cát, có 33 cặp nam nữ thanh niên người Tày trên địa bàn kết hôn; hầu hết đều đúng tuổi quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

### 5. Một vài nhận xét

*Một là*, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập là cơ hội để các yếu tố văn hóa mới du nhập, làm thay đổi cả về quy mô lẫn hình thức và nội dung của nghi lễ cưới xin của người Tày ở thôn Pò Cại hiện nay, nhất là việc rút ngắn và đơn giản các bước thực hành các nghi lễ.

*Hai là*, quy mô tổ chức đám cưới của người Tày thôn Pò Cại ngày càng lớn, làm cho “sổ nợ đời” (tiền mừng) càng nhiều, là gánh nặng cho gia đình và con cháu sau này.

*Ba là*, dù đám cưới của người Tày ở thôn Pò Cại có thay đổi theo xu hướng hiện đại của xã hội, có hội nhập nhưng yếu tố văn hóa truyền thống vẫn hiện diện, đan xen trong các yếu tố văn hóa mới. Người Tày chấp nhận các yếu tố văn hóa mới một cách mềm dẻo và linh hoạt. Điều này rất phù hợp với ba chỉ báo về phát triển bền vững văn hóa tộc người là *Chấp nhận đa dạng văn hóa; Giữ gìn ngôn ngữ tộc người và Giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người* [Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên), 2012].

*Bốn là*, vấn đề đang đặt ra hiện nay là, làm thế nào để người Tày nơi đây tiếp thu các yếu tố văn hóa mới mà vẫn giữ được những nét đặc trưng văn hóa truyền thống tộc người. Muốn làm được điều này, trước hết là phải giáo dục các thế hệ con cháu nhận biết được giá trị văn hóa tộc người.

### Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân, Hoàng Quyết (2010), *Tục cưới xin của người Tày*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Hoàng Bé (2003a), *Một số ghi chép về phong tục tập quán của người Tày xã Bằng Hành, Liên Hiệp (huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Tuyên)*, Báo cáo điền dã lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
3. Hoàng Bé (2003b), *Các quan hệ hôn nhân - gia đình trong xã hội người Tày ở Bảo Lạc*, Báo cáo điền dã lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
4. Đỗ Thúy Bình (1994), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng và Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hoàng Hữu Bình, Trần Thị Hạnh (2005), “Đám cưới truyền thống của người Tày ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 22-26.

6. Trần Hồng Hạnh (Chủ nhiệm) (2008), *Những biến đổi về văn hóa phi vật thể của người Tày ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn*, Đề tài nghiên cứu cấp Viện, Viện Dân tộc học, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học, ký hiệu TL 944.

7. Bế Văn Hậu, Mai Văn Huyền (2012), “Mấy ghi nhận về biến đổi quan hệ gia đình người Tày ở Lạng Sơn thời đổi mới”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2(118), tr. 54-60.

8. Nguyễn Thị Huyền (2001), *Hôn nhân của người Tày ở xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học.

9. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên) (2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Đám cưới của người Tày ở thôn Pò Cại, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Ảnh: Lê Hương